

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 3/2020

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Quý 3		Tăng/giảm Quý 3/2020 so với Quý 3/2019	
			Năm 2020	Năm 2019	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	611.840.258.081	580.661.873.427	31.178.384.654	5,37
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	611.840.258.081	580.661.873.427	31.178.384.654	5,37
4	Giá vốn hàng bán	11	574.520.204.706	545.327.557.529	29.192.647.177	5,35
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	37.320.053.375	35.334.315.898	1.985.737.477	5,62
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.416.002.095	6.101.486.092	(2.685.483.997)	(44,01)
7	Chi phí tài chính	22	16.177.563.085	11.264.759.743	4.912.803.342	43,61
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	16.155.269.085	10.909.699.743	5.245.569.342	48,08
8	Chi phí bán hàng	24	2.994.293.611	5.434.687.153	(2.440.393.542)	(44,90)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.608.350.158	2.141.437.499	(533.087.341)	(24,89)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	19.955.848.616	22.594.917.595	(2.639.068.979)	(11,68)
11	Thu nhập khác	31	-	-	-	
12	Chi phí khác	32	-	74.677.320	(74.677.320)	
13	Lợi nhuận khác	40	-	(74.677.320)	74.677.320	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	19.955.848.616	22.520.240.275	(2.564.391.659)	(11,39)
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.995.584.862	2.252.024.027	(256.439.165)	(11,39)
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	17.960.263.754	20.268.216.248	(2.307.952.494)	(11,39)

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Quý 3 năm 2020 giảm 11,39 % so với Quý 3 năm 2019, tương đương 2,30 tỷ đồng, và việc tăng, giảm trong bảng kết quả kinh doanh chủ yếu là do:

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 44,01% tương ứng với 2,68 tỷ đồng;
- Chi phí lãi vay tăng 48,08% tương ứng với 5,24 tỷ đồng do lãi suất tăng.

Người lập biểu



Lưu Trần Tấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Gia Thuận

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 10 năm 2020

Tổng Giám đốc




Lê Văn Lâm